

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 01 - 2026
Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Bà Nguyễn Kim Kết

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 483/2025/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp A, xã TB, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 096189002103 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 30/6/2022. (có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Huỳnh Văn D, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp TT, xã DD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D chung sống năm 2008 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp dẫn đến cự cãi và ly thân cách đây trên hai năm. Chị yêu cầu ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có hai con chung là cháu Huỳnh Duy A, sinh ngày 02/4/2009 và cháu Huỳnh Ngọc A, sinh ngày 14/10/2014 đang sống chung anh D. Chị đồng ý giao hai con cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Chị N xác định không có.

Đối với anh Huỳnh Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng đương sự vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Huỳnh Văn D đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị N, anh D chung sống năm 2008 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh D.

[3] Về con chung: Chị N đồng ý giao cháu Duy A và cháu Ngọc A cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, xét thấy: Hai cháu sống chung anh D từ khi chị N và anh D ly thân đến nay, cuộc sống của hai cháu đã ổn định. Theo ông Huỳnh Văn T (ông nội hai cháu Duy A và cháu Ngọc A) xác định hiện tại hai cháu đang sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không rõ địa chỉ cụ thể nên Tòa án không tiến hành ghi nguyện vọng được. Anh D không phản đối yêu cầu giao con cho anh của chị N. Nên Hội đồng xét xử giao cháu Duy A và cháu Ngọc A cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35;

điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Duy A, sinh ngày 02/4/2009 và cháu Huỳnh Ngọc A, sinh ngày 14/10/2014 cho anh Huỳnh Văn D tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006361 ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng

